

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LẠNG SƠN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 164/2020/HS-ST
Ngày 28 - 10 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đình Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thanh Thủy;

Ông Hoàng Đức Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hữu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Dương Thu Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 171/2020/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 177/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020, đối với bị cáo:

Trần Thị H; tên gọi khác: Không có, sinh ngày 27 tháng 4 năm 1993 tại tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Số X, đường C, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; dân tộc: Tày; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Không; giới tính: Nữ; con ông Trần Đình C (đã chết) và bà Hoàng Thị B, sinh năm 1962; có chồng là Lành Tiến Đ, sinh năm 1994 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính và chưa bị xử lý kỷ luật lần nào; bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

- Bị hại:

Anh Lâm Văn T, sinh năm 1971, trú tại: Số K (nay là số K1), đường N, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1988; trú tại: Số Y, đường T, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Thị H do vay nợ tiền nhiều người không có khả năng trả nợ nên đã nảy sinh ý định đi thuê xe mô tô rồi mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài. Khoảng 16 giờ ngày 24/7/2019 Trần Thị H nhờ một người phụ nữ tên T1 (không rõ họ tên địa chỉ) đưa đến cửa hàng mua bán cho thuê xe mô tô của anh Lâm Văn T. Khi đến nơi Trần Thị H ở lại quán còn T1 đi về. Trần Thị H hỏi thuê xe mô tô với anh Lâm Văn T, anh Lâm Văn T đồng ý và làm hợp đồng cho Trần Thị H thuê chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvì, màu tím đen, biển kiểm soát 29C1-02052 từ ngày 24/7/2019 đến ngày 27/7/2019 với giá thuê 100.000 đồng/1 ngày, Trần Thị H để lại tờ giấy phô tô chứng minh thư nhân của mình cho anh Lâm Văn T làm tin. Sau khi thuê được xe mô tô Trần Thị H một mình điều khiển xe đi tìm chỗ cầm cố lấy tiền tiêu xài. Khoảng 19 giờ cùng ngày Trần Thị H điều khiển xe mô tô đến ngõ P, đường L, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn gặp chị Phạm Thị Thanh H hỏi vay chị Phạm Thị Thanh H 4.000.000 đồng và được chị Phạm Thị Thanh H đồng ý, Trần Thị H đặt chiếc xe mô tô Yamaha Luvì, BKS 29C1-02052 để làm tin cho chị Phạm Thị Thanh H. Số tiền vay được Trần Thị H đã tiêu xài cá nhân hết.

Biên bản định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 63/ĐGTSTT ngày 01/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvì, biển kiểm soát 29C1-02052 trị giá 5.600.000 đồng (*năm triệu sáu trăm nghìn đồng*).

Chị Phạm Thị Thanh H yêu cầu bị cáo Trần Thị H hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo đã đặt chiếc xe mô tô để làm tin.

Anh Lâm Văn T yêu cầu bị cáo Trần Thị H bồi thường 30.000.000 đồng tương ứng với số tiền thuê xe từ ngày 24/7/2019 đến ngày 16/6/2020 mà bị cáo chưa bồi thường được.

Tại cáo trạng số 161/CT-VKS ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn để xét xử đối với bị cáo Trần Thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố; bị hại không có ý kiến gì, nhất trí với bản cáo trạng.

Về phần dân sự: Bị cáo với bị hại tự nguyện thỏa thuận, bị cáo có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Lâm Văn T số tiền

là 15.000.000 đồng. Về số tiền 4.000.000 đồng bị cáo cũng nhất trí hoàn trả lại cho chị Phạm Thị Thanh H.

Tại phần tranh luận:

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn luận tội bị cáo Trần Thị H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thị H từ 09 đến 12 tháng tù. Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, do bị cáo không có tài sản riêng. Về vật chứng, áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 của Bộ luật Hình sự đề nghị: Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvì, màu tím đen biển kiểm soát 29C1-02052, số khung 037259, số máy 037260 cho anh Lâm Văn T và trả lại 01 chứng minh thư nhân dân số 082267298 cho bị cáo Trần Thị H. Về phần dân sự đề nghị: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo với bị hại, cụ thể: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Lâm Văn Thu số tiền là 15.000.000 đồng và buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho chị Phạm Thị Thanh H.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố, bị hại không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đã được tổng đạt các văn bản quyết định tố tụng và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đều có giá trị pháp lý. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo có mức cao nhất của khung hình phạt là phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giải quyết, xét xử sơ thẩm.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 16 giờ ngày 24/7/2019, Trần Thị H do không có tiền tiêu xài cá nhân nên đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvì, màu tím đen BKS 29C1-02052, số khung 037259, số máy 037260 của anh Lâm Văn T. Với hành vi dùng thủ đoạn gian dối là bị cáo đến thuê xe mô tô với người khác, khi nhận được xe mô tô bị cáo đã mang đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân và tài sản bị chiếm đoạt trị giá 5.600.000 đồng, đối chiếu với quy định tại Điều 174 của Bộ luật Hình sự về

hành vi bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng thì phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự, như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát truy tố bị cáo về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến an ninh trật tự xã hội và quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây bất bình và dư luận xấu trong xã hội. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo bị chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật lần nào. Do đó, đây cũng là tình tiết xem xét khi áp dụng mức hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung, qua xác minh bị cáo không có tài sản riêng. Do đó, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Vật chứng gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvi biển kiểm soát 29C1 – 020.52 là tài sản bị chiếm đoạt nên trả lại cho người bị hại; 01 chứng minh thư nhân dân mang tên Trần Thị H là giấy tờ tùy thân nên trả lại cho bị cáo.

[9] Về phần dân sự: Tại phiên tòa, bị hại với bị cáo tự nguyện thỏa thuận, cụ thể: Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại Lâm Văn T số tiền là 15.000.000 đồng, nhận thấy sự tự nguyện thỏa thuận trên không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo với bị hại. Về số tiền 4.000.000 đồng mà bị cáo cầm cố chiếc xe mô tô để vay tiền của chị Phạm Thị Thanh H, cần buộc bị cáo phải hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng cho chị Phạm Thị Thanh H.

[10] Đối với người phụ nữ tên T1 được bị cáo nhờ chở đến cửa hàng thuê xe máy, T1 không biết việc bị cáo thuê xe máy để cầm cố lấy tiền tiêu xài nên không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo. Đối với Phạm Thị Thanh H cho bị cáo vay số tiền 4.000.000 đồng và giữ chiếc xe mô tô trên để làm tin do không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý trong vụ án này.

[11] Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát luận tội bị cáo và đề nghị giải quyết toàn bộ nội dung vụ án là đúng pháp luật, phù hợp với tính chất hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người bị kết án và phải bồi thường thiệt hại về tài sản nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 61; Điều 62; Điều 65; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 61; Điều 62; Điều 65; Điều 331; 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Các Điều 584; 585; 589; 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

2. Về mức hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Thị H 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt để đi thi hành án.

3. Về phần dân sự:

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị hại với bị cáo, cụ thể: Bị cáo Trần Thị H phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm cho bị hại anh Lâm Văn T với số tiền 15.000.000 đồng (*mười lăm triệu đồng*).

- Buộc bị cáo Trần Thị H phải hoàn trả lại số tiền 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) cho chị Phạm Thị Thanh H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên thì còn phải trả lãi tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại cho bị hại anh Lâm Văn T 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Luvì, màu tím đen BKS 29C1-02052, số khung 037259, số máy 037260;

- Trả lại 01 (một) chứng minh thư nhân dân số 082267298 cho bị cáo Trần Thị H.

(Chi tiết vật chứng trên được ghi theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 07/10/2020 giữa Công an thành phố L với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn).

5. Về án phí: Buộc bị cáo Trần Thị H phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 950.000 đồng tiền án phí dân sự có giá ngạch, tổng cộng 1.150.000 đồng (*một triệu một trăm năm mươi nghìn đồng*) để nộp Ngân sách Nhà nước.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan điều tra Công an thành phố Lạng Sơn;
- Cơ quan Thi hành án Hình sự Công an thành phố Lạng Sơn;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THA Dân sự TP. Lạng Sơn (Khi án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ.

nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lương Đình Phương